

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3156/TĐHYKPNT-TBDA
V/v mời tham gia báo giá dự toán gói thầu
“Mua sắm vật tư, hóa chất thực hiện xét
nghiệm miễn dịch phục vụ hoạt động của
Phòng khám Đa khoa thuộc Trường Đại
học Y khoa Phạm Ngọc Thạch” – lần 2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Quý nhà cung cấp.

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đang triển khai gói thầu: “Mua sắm vật tư, hóa chất thực hiện xét nghiệm miễn dịch phục vụ hoạt động của Phòng khám Đa khoa thuộc Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch” – lần 2.

Để có cơ sở lập giá dự toán, nhà trường kính mời các đơn vị có đủ năng lực và quan tâm đến gói thầu: “Mua sắm vật tư, hóa chất thực hiện xét nghiệm miễn dịch phục vụ hoạt động của Phòng khám Đa khoa thuộc Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch” – lần 2 gửi Thư báo giá về Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch theo phụ lục bảng yêu cầu báo giá.

Thành phần hồ sơ gồm:

1. Bảng báo giá hàng hóa (bao gồm toàn bộ chi phí như: thuế GTGT và các chi phí liên quan khác).

(Ghi chú: Các đơn vị vui lòng báo giá trọn gói, đúng theo tên hàng hóa/tên thương mại, đúng quy cách, số lượng và giá tổng cộng (có VAT)).

2. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu **120 ngày**.

Kính đề nghị Quý đơn vị gửi hồ sơ nêu trên bằng cả hai hình thức sau:

2.1. Qua địa chỉ e-mail: thietbi@pnt.edu.vn

2.2. Trực tiếp về Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Địa chỉ: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Số 02 Đường Dương Quang Trung, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian gửi: trước 16 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Chi tiết liên hệ: KS. Nguyễn Xuân Hòa, Chuyên viên Phòng Thiết Bị Dự Án, số điện thoại: 0914720035

**Lưu ý về tư cách hợp lệ của nhà thầu tham gia báo giá:*

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật 22;

- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HT và các Phó HT;
- P.CNTT (để đăng Website);
- Lưu: VT, TBDA-XH (02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

TS. BS. Phạm Quốc Dũng

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số: 3156/TĐHYKPNT-TBDA ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

BẢNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
1.	Hóa chất nội kiểm HBsAg	- PreciControl HBsAg II là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng của xét nghiệm miễn dịch Elecsys HBsAg II và Elecsys HBsAg II Auto Confirm. Thành phần: - PC HBSAGII1: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với HBsAg; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0.0-0.80 ▪ PC HBSAGII2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng HBsAg (người) khoảng 0.2 IU/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản		16x1.3 ml	Hộp	01			Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg được dùng để kiểm tra độ đúng của các xét nghiệm HBsAg trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch
2.	Hóa chất HBsAg	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. Độ đặc hiệu phân tích là 100 % (giới hạn tin cậy dưới 95 %, một bên: 99.81 %)		Hộp/ 100 test	Hộp	25			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		Độ nhạy lâm sàng: 99.9%							quang. Nguyên lý xét nghiệm bất cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút.
3.	Hóa chất Anti- HBc	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤27 phút. Độ nhạy lâm sàng: 100% (n=793) Độ đặc hiệu phân tích: 100% (n=309) Thành phần : Bộ thuốc thử (M, R1, R2) và thuốc thử tiền xử lý (R0) được dán nhãn AHBC 2. M Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL: Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. R0 DTT (nắp trắng), 1 chai, 5 mL: 1,4-dithiothreitol 110 mmol/L; đệm citrate 50 mmol/L. R1 HBcAg (nắp xám), 1 chai, 8 mL: HBcAg (E. coli, rDNA) > 25 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản. R2 Anti-HBcAg-Ab~biotin; anti-HBcAg-Ab~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 8 mL:		Hộp/ 100 test	Hộp	03			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người.

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		Kháng thể đơn dòng kháng HBc đánh dấu biotin (chuột) 700 ng/mL; kháng thể đơn dòng kháng HBc (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 200 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.4; chất bảo quản. AHBC 2 Cal1 Mẫu chuẩn âm tính 1 (nắp trắng), 2 chai mỗi chai 1.0 mL: Huyết thanh người; chất bảo quản. AHBC 2 Cal2 Mẫu chuẩn dương tính 2 (nắp đen), 2 chai mỗi chai pha 1.0 mL: Anti-HBc (người) > 8 WHO IU/mLb) trong huyết thanh người; chất bảo quản.							
4.	Hóa chất nội kiểm Anti HBc	PreciControl Anti-HBc II là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng của xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-HBc II. Thành phần: ▪ PC A-HBCII 1: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBc; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 1.15-3.4 ▪ PC A-HBCII 2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Kháng thể kháng HBc (người) khoảng 1 U/mL trong huyết thanh người; chất bảo quản.		Hộp/ 16 x 1.3 ml	16 x 1.3 ml	01			Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBc được dùng để kiểm tra độ đúng xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-HBc trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0.15-0.95							
5.	Hóa chất Anti-HBs	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. Độ nhạy tương đối 100% Độ đặc hiệu tương đối: 99.78% (n=2673, nhóm người hiến máu), 99.45% (n=1623, nhóm mẫu thường quy) Thành phần tối thiểu gồm có: HBsAg người/tái tổ hợp đánh dấu biotin, HBsAg người/tái tổ hợp, đánh dấu phức hợp ruthenium		Hộp / 100 test	Hộp	25			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang.
6.	Hóa chất nội kiểm Anti-HBs	PreciControl Anti-HBs là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ chính xác của xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-HBs II. Thành phần: ▪ PC A-HBS1: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HBs; chất bảo quản. Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: ≤ 5 IU/L		Hộp/ 16 x 1.3 ml	Hộp	01			Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs được dùng để kiểm tra độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch Anti-HBs trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs là huyết thanh chứng sẵn sàng

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		- PC A-HBS2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng - Kháng thể kháng HBs (người) khoảng 100 IU/L trong huyết thanh người; chất bảo quản. - Khoảng nồng độ đích cho kháng thể kháng HBs: 60-150 IU/L							để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương.
7.	Hóa chất HBeAg	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút. -Thành phần tối thiểu gồm các thành phần:Thuốc thử: Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng HBeAg đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính		Hộp / 100 test	Hộp	03			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý xét nghiệm bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút.
8.	Hóa chất Anti-Hbe	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Xét nghiệm này đã được cấp Chứng nhận CE theo Chỉ thị 98/79/EC. Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút - Thành phần tối thiểu gồm có:		Hộp / 100 test	Hộp	01			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		+ Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu biotin; + Kháng thể đơn dòng kháng HBe đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính							nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý cạnh tranh. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút.
9.	Hóa chất HCV Ab	Xét nghiệm Elecsys Anti-HCV II là một xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. - Thuốc thử tối thiểu gồm các thành phần: Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu biotin, Kháng nguyên đặc hiệu HCV đánh dấu phức hợp ruthenium * Mẫu chuẩn âm tính * Mẫu chuẩn dương tính Độ nhạy chẩn đoán là 100 % (n=765). Giới hạn tin cậy dưới 95 % là 99.61 %.		Hộp / 100 test	Hộp	08			Xét nghiệm Anti-HCV là một xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút.
10.	Hóa chất nội kiểm HCV Ab	PreciControl Anti-HCV là huyết thanh chứng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người ở cả khoảng nồng độ âm và dương. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng của xét nghiệm miễn dịch Elecsys Anti-HCV II. Thành phần: ▪ PC A-HCV1: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chứng huyết thanh		Hộp / 16 x 1.3 ml	Hộp	01			Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV được dùng để kiểm tra độ đúng của xét nghiệm miễn dịch Anti-HCV trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		Huyết thanh người, âm tính với kháng thể kháng HCV; chất bảo quản. Khoảng giới hạn đích cho chỉ số ngưỡng: 0-0.3 ▪ PC A-HCV2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chứng huyết thanh Kháng HCV (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản. Giá trị đích cho chỉ số ngưỡng: Anti-HCV II: khoảng 4							
11.	Hóa chất định lượng TSH	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người. Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. Thành phần: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL: Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. Anti-TSH-Ab~biotin (nắp xám), 1 chai, 14 mL: Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột) đánh dấu biotin 2.0 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản. R2 Anti-TSH-Ab~Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 12 mL: Kháng thể đơn dòng kháng TSH (chuột/người) đánh dấu phức hợp ruthenium 1.5 mg/L; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.2; chất bảo quản.		Hộp/ 200 tests	Hộp	09			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý xét nghiệm bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút.

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
12.	Hóa chất chuẩn TSH	Hỗn hợp huyết thanh ngựa và một hỗn hợp huyết thanh người với TSH người ở 2 khoảng nồng độ. Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. Thành phần: ▪ TSH Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chuẩn 1 ▪ TSH Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL mẫu chuẩn 2 Nồng độ của TSH Cal1 trong hỗn hợp huyết thanh ngựa khoảng 0 μ IU/mL; TSH Cal2 chứa khoảng 1.5 μ IU/mL TSH (người) trong hỗn hợp huyết thanh người		Hộp/ 4x1.3 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn TSH được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch hiệu chuẩn TSH là một hỗn hợp huyết thanh ngựa và một hỗn hợp huyết thanh người với TSH người ở 2 khoảng nồng độ.
13.	Hóa chất định lượng FT3	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút. Thành phần: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL: Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. Anti-T3-Ab~Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 18 mL: Kháng thể đơn dòng kháng T3 (cửu) đánh dấu phức hợp ruthenium 18 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.		Hộp/ 200 tests	Hộp	07			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý xét nghiệm bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤ 18 phút.

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		T3~biotin (nắp đen), 1 chai, 18 mL: T3 đánh dấu biotin 2.4 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.							
14.	Hóa chất chuẩn FT3	Dung dịch được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys FT3 III trên máy xét nghiệm miễn dịch cobas e. FT3 III CalSet là huyết thanh người đồng khô chứa T3 với hai khoảng nồng độ. Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử.		Hộp/ 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn FT3 là huyết thanh người đồng khô chứa T3 với hai khoảng nồng độ. Dung dịch hiệu chuẩn FT3 được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 trên máy xét nghiệm miễn dịch.
15.	Hóa chất định lượng FT4	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. Thành phần: Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL: Vi hạt phủ streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. Anti-T4-Ab~Ru(bpy) (nắp xám), 1 chai, 18 mL: Kháng thể đơn dòng kháng T4 (thỏ) đánh dấu phức hợp ruthenium 75 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.		Hộp/ 200 tests	Hộp	07			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Nguyên lý xét nghiệm bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút.

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		T4~biotin (nắp đen), 1 chai, 18 mL: T4 đánh dấu biotin 2.5 ng/mL; đệm phosphate 100 mmol/L, pH 7.0; chất bảo quản.							
16.	Hóa chất chuẩn FT4	CalSet FT4 IV là hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa L-thyroxine với hai khoảng nồng độ. Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. Thành phần: FT4 4 Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 FT4 4 Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai khoảng nồng độ (khoảng 10 pmol/L hoặc 0.78 ng/dL và khoảng 45 pmol/L hoặc 3.5 ng/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò).		Hộp/ 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn FT4 được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 trên máy xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch hiệu chuẩn FT4 là hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa L-thyroxine với hai khoảng nồng độ.
17.	Hóa chất định lượng CA 15-3	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người giúp hỗ trợ theo dõi bệnh nhân ung thư vú. Kết hợp quy trình lâm sàng và chẩn đoán khác, xét nghiệm theo trình tự thời gian với xét nghiệm này giúp hỗ trợ ▪ phát hiện sớm tái phát ở bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II và III đã được điều trị trước đó ▪ để theo dõi đáp ứng điều trị ở bệnh nhân ung thư vú di căn Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA”		Hộp /100 tests	Hộp	6			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người giúp hỗ trợ theo dõi bệnh nhân ung thư vú. Kết hợp quy trình lâm sàng và chẩn đoán khác, xét nghiệm theo trình tự thời gian với xét nghiệm này giúp hỗ trợ. ▪ Phát

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút. - Thành phần tối thiểu gồm có: + Kháng thể đơn dòng đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 đánh dấu phức hợp ruthenium							hiện sớm tái phát ở bệnh nhân ung thư vú giai đoạn II và III đã được điều trị trước đó
18.	Hóa chất chuẩn CA 15-3	CA 15-3 II CalSet là một ma trận huyết thanh người sẵn sàng để sử dụng có bổ sung CA 15-3 cho người ở 2 phạm vi nồng độ. Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. Thành phần: ▪ CA 15-3 II Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ CA 15-3 II Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CA 15-3 (người) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 15 U/mL và khoảng 100 U/mL) trong ma trận huyết thanh người.		Hộp/ 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn CA 15-3 được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 II trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch hiệu chuẩn CA 15-3 là một ma trận huyết thanh người sẵn sàng để sử dụng có bổ sung CA 15-3 cho người ở 2 phạm vi nồng độ
19.	Hóa chất định lượng CA 125	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng OC 125 trong huyết thanh và huyết tương người Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút - Thành phần tối thiểu gồm: + Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng CA 125 đánh dấu phức hợp ruthenium		Hộp/100 tests	Hộp	05			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng OC 125 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
									điện hóa phát quang, nguyên lý xét nghiệm bất cập. Tổng thời gian xét nghiệm ≤18 phút.
20.	Hóa chất chuẩn CA 125	CA 125 II CalSet II được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys CA 125 II trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Thành phần: ▪ CA125 II Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ CA125 II Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Nồng độ của CA 125 người trong hỗn hợp huyết thanh ngựa (CA125 II Cal1) là 0 U/mL; CA125 II Cal2 chứa khoảng 500 U/mL CA 125 người trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản.		Hộp / 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn CA 125 là một hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô và huyết thanh người chứa CA 125 người, được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 II trên máy xét nghiệm miễn dịch.
21.	Hóa chất định lượng CA 72.4	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đặc biệt giúp hỗ trợ theo dõi điều trị ung thư dạ dày và ung thư buồng trứng. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bất cập. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. Tối thiểu gồm các thành phần: Thuốc thử: Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CA 72-4 đánh dấu phức hợp ruthenium		Hộp /100 tests	Hộp	06			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm đặc biệt giúp hỗ trợ theo dõi điều trị ung thư dạ dày và ung thư buồng trứng

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
22.	Hóa chất chuẩn CA 72.4	CA 72-4 CalSet được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch. CA 72-4 CalSet là huyết thanh người đồng khô chứa CA 72-4 người với hai khoảng nồng độ. Thành phần: ▪ CA72-4 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ CA72-4 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CA 72-4 (người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 1 U/mL và khoảng 70 U/mL) trong huyết thanh người; chất bảo quản		Hộp / 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn CA72-4 được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch hiệu chuẩn CA 72-4 là huyết thanh người đồng khô chứa CA 72-4 người với hai khoảng nồng độ.
23.	Hóa chất định lượng CYFRA	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19 đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng cytokeratin 19 đánh dấu phức hợp ruthenium		Hộp/100 tests	Hộp	06			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người.
24.	Hóa chất chuẩn CYFRA	CYFRA 21-1 CalSet được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch. CYFRA 21-1 CalSet là huyết thanh người đồng khô chứa cytokeratin (người, đông tể bảo		Hộp / 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn CYFRA được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		MCF-7) với 2 khoảng nồng độ. Các chai CalSet có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử. Thành phần: ▪ CYFRA Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ CYFRA Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2 Cytokeratin (người, từ dòng tế bào MCF-7) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 0 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong huyết thanh người.							CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch.
25.	Hóa chất định lượng CEA	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người. Ngoài ra, xét nghiệm này còn được chỉ định đo CEA theo trình tự thời gian để hỗ trợ theo dõi tình trạng ung thư của bệnh nhân. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bất cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤18 phút. Thành phần tối thiểu gồm có: Kháng thể đơn dòng kháng CEA đánh dấu biotin, Kháng thể đơn dòng kháng CEA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium.		Hộp/ 100 tests	Hộp	08			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người. Ngoài ra, xét nghiệm này còn được chỉ định đo CEA theo trình tự thời gian để hỗ trợ theo dõi tình trạng ung thư của bệnh nhân
26.	Hóa chất chuẩn CEA	CEA CalSet được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys CEA trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. CEA CalSet là hỗn hợp đệm/protein có thêm CEA với 2 khoảng nồng độ. Thành phần:		Hộp 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn CEA được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch.

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		▪ CEA Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 ▪ CEA Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2 CEA (người, tử canh cấy tế bào) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 5 ng/mL và khoảng 50 ng/mL) trong hỗn hợp đệm/protein. 1 ng/mL CEA tương ứng với 16.9 mIU/mL.							
27.	Hóa chất định lượng AFP	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng α1-fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang “ECLIA” Nguyên lý bắt cặp. Tổng thời gian xét nghiệm: ≤ 18 phút - Thành phần gồm có: + Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL; + Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản. + Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu biotin + Kháng thể đơn dòng kháng AFP đánh dấu phức hợp ruthenium		Hộp /100 tests	Hộp	08			Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng α 1-fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người. ▪ Là một thông số kết hợp với các thông số khác giúp đánh giá nguy cơ tam bội nhiễm sắc thể 21 (hội chứng Down).
28.	Hóa chất chuẩn AFP	AFP CalSet II được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Elecsys AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch AFP CalSet II là huyết thanh người đông khô chứa AFP người (từ canh cấy tế bào) với 2 khoảng nồng độ. Thành phần: AFP Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 AFP Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2		Hộp / 4x1 ml	Hộp	01			Dung dịch hiệu chuẩn AFP là huyết thanh người đông khô chứa AFP người (từ canh cấy tế bào) với hai khoảng nồng độ.

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		AFP (người, từ canh cây tế bào) với 2 khoảng nồng độ (khoảng 5 IU/mL hoặc 6 ng/mL và khoảng 50 IU/mL hoặc 60 ng/mL) trong huyết thanh người.							
29.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm nhóm ung thư	PreciControl Tumor Marker là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người. Các nồng độ nằm trong hai khoảng có liên quan trên lâm sàng. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch Elecsys. Thành phần: PC TM1: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người) PC TM2: 2 chai, mỗi chai 3.0 mL huyết thanh chứng (người)		Hộp / 4x3 ml	Hộp	02			Kiểm soát chất lượng xét nghiệm nhóm ung thư
30.	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch	PreciControl Universal là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ. Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch Elecsys. Thành phần: PC U1: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người) PC U2: 2 chai để pha 2 x 3.0 mL mẫu chứng huyết thanh (người)		Hộp / 4x3 ml	Hộp	02			Kiểm soát chất lượng các xét nghiệm miễn dịch
31.	Pha loãng mẫu UNIVERSAL DILUENT ELEC	Diluent Universal được sử dụng như chất pha loãng mẫu Thành phần: Diluent Universal được dán nhãn Dil. Uni. 2 chai mỗi chai chứa một thể tích khả dụng là 16 mL		Hộp / 2 x 16 ml	Hộp	02			Dung dịch pha loãng được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm theo phương pháp

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		Thành phần: Hỗn hợp protein; chất bảo quản $\leq 0.1\%$							điện hóa phát quang. Pha loãng mẫu cần thiết trong trường hợp nồng độ chất phân tích vượt quá khoảng đo của phương pháp xét nghiệm tương ứng. Hơn nữa, tiền pha loãng mẫu nói chung được chỉ định cho một số xét nghiệm.
32.	Dung dịch rửa máy Miễn dịch ELEC CLEAN-CELL	Là dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. CleanCell được sử dụng để thực hiện: Rửa hệ thống ống và cốc đo sau mỗi lần đo và điều chỉnh điện cực. Dung dịch còn dùng để rửa kim hút thuốc thử của máy phân tích sau khi hút.		Hộp / 2 x 2 L	Hộp	30			Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Dung dịch hệ thống được sử dụng kết hợp với thuốc thử và có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử.
33.	Dung dịch rửa máy Miễn dịch PROCELL ELEC	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. ProCell được sử dụng để thực hiện các việc sau: ▪ Phục hồi điện cực ▪ Vận chuyển hỗn hợp phản ứng thuốc thử		Hộp/ 2 x 2 L	Hộp	30			Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
		- Rửa vi hạt phủ streptavidin - Phát tín hiệu Thành phần: 2 x 2 L dung dịch đệm Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy $\leq$ 0.1 %; chất bảo quản; pH 6.8.							miễn dịch. Dung dịch hệ thống được sử dụng kết hợp với thuốc thử và có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử.
34.	Dung dịch rửa kim Miễn dịch ProbeWash M	Dung dịch làm sạch để rửa các máy phân tích xét nghiệm miễn dịch ProbeWash M được sử dụng để thực hiện các việc sau: - Rửa kim thuốc thử khi chạy hoàn thiện - Rửa kim thuốc thử khi thay đổi thuốc thử cho một số xét nghiệm (vui lòng tham khảo “Danh sách rửa đặc biệt” như trong phần mềm hệ thống và phần “Yếu tố hạn chế - ảnh hưởng” trong Tờ hướng dẫn sử dụng của xét nghiệm tương ứng) Thành phần: 12 x 70 mL dung dịch rửa kim thuốc thử KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13.2); chất tẩy $\leq$ 1 %.		Hộp/ 12x70 ml	Hộp	2			Dung dịch rửa hệ thống cho máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang.
35.	Dung dịch rửa đường ống Miễn dịch PreClean M	Dung dịch được dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu trước khi phát tín hiệu - bước cuối cùng của quy trình phân tích. Thành phần: 5 x 600 mL dung dịch rửa hỗn hợp phản ứng. Đệm phosphate 10 mmol/L; natri chloride 20 mmol/L; chất tẩy $\leq$ 0.1 %; chất bảo quản; pH 7.0.		Hộp/ 5 x 600 ml	Hộp	04			Dung dịch dùng để vệ sinh đơn vị ISE trên máy phân tích miễn dịch điện hóa phát quang

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Xuất xứ/ Hãng SX	Quy cách (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng) (có VAT)	Thành tiền (Đồng) (có VAT)	Ghi chú
36.	Dung dịch rửa điện cực máy Miễn dịch ISE CLEANING SOL	Dung dịch vệ sinh có tính kiềm có tính chất kháng khuẩn. Thành phần: Natri hydroxide 3 mol/L Dung dịch natri hypochlorite (< 2 % clo hoạt tính) Phụ gia		Hộp / 5 x 100 ml	Hộp	04			Dung dịch dùng để vệ sinh đơn vị ISE trên máy phân tích miễn dịch điện hóa phát quang
37.	Cốc đựng mẫu /Típ hút mẫu	AssayTip/AssayCup là đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng IVD dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang		48 x (84 típ + 84 cúp) + 8 hộp giấy thải	Hộp	06			Cốc đựng mẫu/Típ hút mẫu sử dụng cho máy Xét nghiệm miễn dịch